Tập 2 — Hoá Độ Quyến Thuộc

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Ngày hôm sau, tin truyền thái tử Siddhattha đã trở thành một vị Phật đã lan truyền khắp thành phố, hang cùng ngõ hẻm. Ngài đang dẫn đầu một hội chúng sa-môn năm trăm vị về thăm kinh đô cùng quyến thuộc xa cách lâu ngày. Chính ngài đã khai sáng một con đợờng mới, một tôn giáo không có thần linh; và mỗi một con ngợời, không kể giai cấp nào, cũng có thể trở thành một vị Phật nếu biết cần cầu, nỗ lực, tu tập theo đạo lộ bát chánh của ngài! Đức vua Suddhodana, bây giờ đã đắc quả Tợ-đà-hàm, muốn làm rạng danh đứa con ợu tú của dòng tộc Sākya, nên đã bố cáo rộng rãi cho muôn dân Kapilavatthu tổ chức một cuộc nghinh đón trọng thể vào ngày mai! Ngoài việc trang hoàng thành phố, con đợờng từ công viên Nigrodhārāma đến hoàng cung phải đợợc dọn dẹp phong quang, sạch sẽ; rồi phải treo cờ, kết hoa tợơi vui, rộn rã! Tân khách của quốc vợơng đợợc thỉnh mời, chừng mấy ngàn ngợời, đều là các nhân sĩ, trí thức, tai mắt của kinh thành. Trong lúc đức Phật và đoàn sa-môn thứ tự, trang nghiêm và lặng lẽ từng bợớc một hợớng về hoàng cung thì dân chúng đã ken dày các ngả đợờng. Họ vừa tò mò, vừa thành kính chấp tay bởi dung nghi sáng rỡ, Tăng tợớng nhàn thoát

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 103

và bợớc đi thanh tịnh của đức Phật và đoàn sa-môn! Đâu đó có tiếng hò reo mừng vui. Đâu đó có lời bàn tán rì rào, rằng là cái tôn giáo này, các vị sa-môn có râu tóc sạch sẽ, y bát trang nghiêm, tợớng mạo đợờng hoàng có vẻ đều là bậc quý tộc, có văn hóa, có học thức! Đức vua Suddhodana muốn làm gợơng cho mọi ngợời nên ngài đã đi chân đất ra nghinh đón đức Phật và chợ tăng tận ngoài cổng cung thành! Các hàng trợởng lão, trọng thần, hoàng tộc và quan khách đều phải bắt chợớc làm nhợ thế! Các chỗ ngồi và lều trại đều đã đợợc chuẩn bị sẵn tại sân chầu của đại điện. Khi đức Phật và chợ tăng đã vào những chỗ ngồi đã đợợc soạn sẵn, đức vua nói vài lời với quan khách, đặc biệt trong đó có một số bà-la-môn tu sĩ, học giả nổi danh, những nhân sĩ uy tín, rằng là hoàng gia hôm nay đặt bát cúng dợờng đức Phật và tăng chúng, mong rằng phợớc sự này sẽ mang đến hạnh phúc, an lành cho tất cả chúng ta và cho cả quốc độ! Đức vua lại tận tay sớt vật thực vào bát cho đức Phật; và hằng trăm ngợời phục vụ ân cần và chu đáo chia nhau làm công việc của mình! Đức Phật và chợ tăng thọ thực trong yên lặng. Đức vua, hoàng gia, tất cả quan khách cũng lặng lẽ thọ thực sau đó. Thời pháp hôm ấy, đức Phật thuyết về Tứ diệu đế rất cao siêu, nhợng ngài lại đi từ những nguyên nhân, những lý do, tại sao trợớc đây ngài đã buông bỏ tất cả để xuất gia tầm đạo. Sự giới hạn của đời ngợời bởi sinh, già, bệnh, chết; sự nghiệt ngã của định luật vô thợờng nó đã hủy diệt, cuốn trôi tất thảy tuổi thanh xuân, ợớc mơ cũng nhợ những hoạch đắc rỗng không trên trần thế. Sự thật ấy, dukkha, nó không ngoại trừ một ai! Chẳng có gì tồn tại đợơc lâu. Chẳng có gì nắm bắt đợợc. Cái đợợc gọi là niềm vui, sự thỏa mãn, khả ý, khả lạc qua địa vị, quyền lực, danh vọng, ngũ dục luôn đi kèm 104 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

với bất toàn, bất nhơ ý, đổ vỡ, sầu bi khổ ơu não. Con đơờng của đạo giác ngộ, tỉnh thức do ngài tìm ra, nó không ru ngủ mọi ngơời nơi một thế giới cực lạc nào đó ở mai sau, không núp bóng quyền uy của thánh thần nào đó để mong đơợc các ngài chở che, ban thơởng. Là kẻ trí, là bậc trí trong giáo pháp nầy, phải nhìn xuyên thủng màn sơơng khói của māyā để thấy rõ nguyên nhân của dukkha ấy! Mọi hình thức lễ nghi, tế tự, cầu nguyện, bùa phép, mật chú... chỉ là những liều thuốc an thần không bao giờ chữa trị tận gốc mọi đau khổ và phiền não! Tất cả mọi giáo phái trong và ngoài truyền thống, cái thì lạc vào duy thần, duy linh, duy lý, duy danh, duy tâm; cái thì lạc vào duy vật, duy sự, duy mỹ, duy thực, duy nghiệm! Không ảo giác thánh thần thì cũng hơ vô chủ nghĩa! Không rơi vào mê tín, tà lộ thì cũng rơi vào khổ hạnh hoặc dục lạc cực đoan! Không ai, ở đâu, có đủ can đảm và dũng khí để nhìn ra chính mình, nội quán để thấy rõ toàn bộ sự vận hành của thân tâm mình! Tại sao, nguyên nhân nào mà tham lam, sân hận, si mê, ganh ghét, đố kỵ, tị hiềm, sầu não, hận thù... khởi sanh? Tại sao, nguyên nhân nào lại sinh ra nơớc mắt, thống khổ, thất vọng, tuyệt vọng... làm khô héo, tàn tạ mầm xanh của sự sống? Đạo giác ngộ, tỉnh thức, đơợc lập cơớc từ nhận thức ấy mà ra đi, mà tìm kiếm con đơờng chấm dứt tất cả khổ, tất cả dukkha, bên trong, bên ngoài, thô hay tế từ cõi này hay cảnh giới khác! Và đạo lộ ấy, Nhơ Lai đã tìm ra! Đạo lộ ấy chính là quán chiếu duyên khởi, vô ngã tính của tất cả pháp! Đạo lộ ấy chính là tỉnh thức trong từng hơi thở, từng bơớc đi! Đạo lộ ấy chính là nhìn ngắm nhơ thực khi mắt thấy, tai nghe... và đừng bị cuốn trôi hoặc đắm chìm trong các ảo tơởng, ảo giác vốn không thực hữu! Thảnh thơi, an lạc, mát mẻ, vô ơu, vô phiền sẽ đến cho những ai sống đời chánh niệm, tỉnh giác! Chánh niệm, tỉnh giác là lộ trình bơớc ra khỏi māyā, dukkha! Hiện tại, Nhơ Lai và hội chúng của Nhơ Lai đang đi trên con Minh Đức Triều Tâm Ảnh 105

đơờng ấy. Và ai cũng nếm thơởng đơợc hơơng vị của giải thoát, của pháp mầu bất tử! Tuy nhiên, không phải ai cũng đi đơợc theo lộ trình ấy. Giáo pháp của Nhơ Lai đơợc chế định riêng cho giới xuất gia và tại gia. Giới xuất gia thì tu tập giới định tuệ, theo con đơờng phạm hạnh, có thể giác ngộ giải thoát ngay ở đây và bây giờ; giới tại gia thì bố thí, trì giới và thực tập quán niệm... để có đơợc niềm vui đích thực và nụ cơời giải thoát trong đời sống với những sinh hoạt thơờng nhật! Nhơng phải bơớc đi bằng chính đôi chân của mình, bằng nỗ lực, tự tri, tự thức của chính mình! Đừng nô lệ một vị thần linh, thơợng đế nào; mà cũng đừng nô lệ những truyền thống dù tốt đẹp từ ngàn xơa để lại! Bơớc chân an lạc và thảnh thơi, tại đây và bây giờ của chúng ta, chính là con đơờng! Không có con đơờng nào khác! Nhơ Lai tuyên bố nhơ vậy! Con đơờng cũng chính là những bơớc chân an lạc và thảnh thơi của chúng ta, tại đây và bây giờ! Đừng bơớc đi giữa hơ vô, bơớc đi dơới những cái bóng của thần linh mà cũng đừng bơớc ra khỏi trái đất, chơ vị hãy nhớ nhơ vậy! Thật là những tơ tơởng chơa từng đơợc nghe, đi vào tâm trí giới bà-la-môn và các vị quan khách! Có ngơời bủn rủn. Có ngơời bàng hoàng. Có ngơời dơờng nhơ thấy đơợc các gì đó. Có ngơời nhơ vừa bơớc ra khỏi đám sơơng mù hỗn mang. Có ngơời cảm giác tâm trí mình chợt nhơ đơợc sáng ra! Trong đôi mắt của họ có cái gì đó sáng lấp lánh! Thế là giáo pháp của đức Thế Tôn đã nhơ một luồng sinh khí mới thổi qua kinh thành Kapilavatthu cổ xơa. Rất

nhiều ngoời chứng quả Nhập lou! Rất nhiều ngoời xin đoợc quy y Tam Bảo! Thế rồi, bắt đầu từ buổi troa hôm ấy, đức Phật bận khách liên tục, tại hoàng cung cũng nhoi tại công viên Nigrodhārāma. Các ông hoàng thân tình thuở troớc nhoi Ānanda, Bhaddiya, Mahānāma, Kimbila, Anuruddha, 106 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Bhagu; cả Nanda và Sundrī-Nandā... đều có đến thăm, nhoing ngài cũng không có thì giờ nói chuyện nhiều. Thấy tình trạng ăn ở, các tiện nghi sinh hoạt tại công viên quá thiếu thốn nên họ đã huy động nhân công, vật liệu để làm cốc liêu, giảng đoòng, nhà ăn, nhà khách và các công trình khác để dâng cúng lên đức Phật và Tăng chúng. Công việc đang tiến hành thì ngày thứ ba, hoàng cung cử hành một lúc ba đại lễ quan trọng: Thành hôn, phong toớc và khánh thành cung điện mới cho hoàng tử Nanda. Trong lúc mọi ngoời tấp nập mang lễ phẩm đến chúc mừng thì bất ngờ, đức Phật xuất hiện vào lúc đã khá troa: - Nhoi Lai cũng đến chúc mừng. Chức mừng hạnh phúc và an lành đến cho tất thảy mọi ngoời! Đức vua và hoàng hậu Gotamī hối hả bảo soạn chỗ ngồi và dâng cúng vật thực cho ngài. Đức Phật im lặng thọ thực, khi tất cả đã xong xuôi, ngài trao bát cho hoàng tử Nanda rồi boớc đi, không nói gì cả! Vì quá nể trọng ông anh, Nanda ôm bát lủi thủi theo sau, tự nghĩ: Ra đến cổng, chắc đức Phật sẽ thâu bát lại! Nhoing không, đức Phật cứ boớc mãi, ra khỏi cổng đã khá xa, ngài cũng không ngoảnh lại! Tân noơng Janapāda Kalyāni chợt cảm thấy lo ngại mơ hồ, chạy ra đến cổng, thống thiết kêu lên: “Hoàng tử yêu quý ơi! Hãy trở lại!” Đức Phật doòng nhoi không hề nghe, không hề thấy, ngài vẫn từng boớc đĩnh đạc, uy nghi tiến xa mãi về phía troớc. Hoàng tử Nanda nghe tiếng gọi tha thiết của ngoời yêu, trái tim xốn xang, tê điếng; chân thì boớc tới mà mặt thì ngoảnh lui, nhoing đức Phật thì cứ thảnh thơi, tự tại nhoi không có chuyện gì xảy ra! Đến công viên Nigrodhārāma, đức Phật vừa ngồi yên vị thì tôn giả Mahā Kassapa đến trình, vì ở đây đang xây dựng nên có mấy trăm vị tỳ-khoiu muốn đến tạm trú tản mác tại các khu rừng, công viên hay nghĩa địa! Tôn giả Sāriputta lại Minh Đức Triều Tâm Ảnh 107

thoia, là có ba bốn chục vị tỳ-khoiu trẻ muốn phụ giúp một ít về công việc chân tay cho tu viện mau hoàn thành. Đức Phật nói: - Vậy là phải lẽ! Vậy là các thầy đã biết những công việc mình phải làm! Nhoing này Mahā Kassapa, ông hiện đang thọ trì bao nhiêu pháp đầu-đà? - Đệ tử cũng không nhớ rõ! Từ khi gặp đoợc đức Thế Tôn, thấy đoợc pháp mầu bất tử, đệ tử chỉ dùng ba y, không thọ nhận bất kỳ chiếc y nào khác, nếu đã hoi rách thì đệ tử chỉ đi loợm vải ngoời ta quăng bỏ ở nghĩa địa, giặt sạch rồi nhuộm lại. Về vật thực, đệ tử chỉ đi trì bình xin ăn, chứ không nhận thỉnh mời trai Tăng của bất cứ ai khác. Khi đi trì bình khất thực, chỉ đi thứ tự từng nhà, không bỏ khoảng cách. Thọ thực thì chỉ ngồi một chỗ, không di chuyển chỗ. Chỉ ăn trong bát, có bao nhiêu dùng bấy nhiêu, không nhận thêm vật thực. Chỉ ngụ ở cội cây, rừng, nghĩa địa, nơi chỗ trống hoặc chỗ Tăng chỉ định. Và đệ tử chỉ ngồi và không nằm, dù lúc ngủ nghỉ từ đấy đến nay, bạch đức Thế Tôn! - Vậy là moời ba pháp, rất tốt, rất hy hữu đấy, này Mahā Kassapa! Đức Phật nói - Đấy đoợc gọi là đầu-đà bậc thoợng! Từ rày về sau, ông nên hoớng dẫn cho những ai muốn sống đời khổ hạnh độc coi nhoi thế, tùy khả năng, có thể bậc thoợng, bậc trung hay bậc hạ! Tất cả pháp môn đầu- đà ấy đều có khả năng thiêu cháy, đốt cháy phiền não, đều có khả năng giúp cho các sa-môn sống đời thiểu

dục, tri túc rất hiệu quả! Hãy làm gợơng cho các hàng sa-môn hậu học, này Mahā Kassapa! Rồi quay sang tôn giả Sāriputta, đức Phật nói: - Còn Sāriputta thay mặt Nhợ Lai thuyết pháp cho hai hàng cợ sĩ, giáo giới mấy chục tân tỳ-khợu vừa mới xuất gia ngày hôm qua. Thứ nữa, các vị tỳ-khợu trẻ có thể phụ giúp công việc, nhợng có những giới hạn nhất định: Không nên đào hố, đào hầm, đào mợơng rãnh; không nên chặt cây, chặt 108 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

cành, xớt cỏ, ngắt lá, bẻ hoa... nghĩa là cái gì đụng chạm đến sự sống động vật hay thực vật thì các vị tỳ-khợu không nên làm, không đợợc phép làm! Hai vị tôn giả lĩnh ý. Đức Phật bây giờ mới hợớng mắt đến hoàng tử Nanda - vẫn kiên nhẫn đứng một bên, không dám trao bát lại cho đức Phật khi ngài chợa bảo - ân cần nói rằng: - Này Nanda! Ông có muốn sống đời xuất gia nhợ Nhợ Lai và nhợ các vị tôn giả trang nghiêm, phạm hạnh kia không? Nanda nóng lòng nhợ lửa đốt vì sợ không kịp giờ cử hành hôn lễ; nhợng khi đức Phật hỏi, vì tôn kính ngài quá, chàng không dám từ chối, gật gật đầu rất miễn cợỡng! Mỉm nụ cợời lặng lẽ ở trong tâm, đức Phật tức khắc bảo tôn giả Sāriputta và tôn giả Mahā Kassapa cạo sạch sẽ râu tóc cho hoàng tử Nanda, kiếm đầy đủ y bát rồi làm lễ thọ giới tỳ-khợu cho chàng. Thế là vị tân lang, em cùng cha khác mẹ với đức Phật, con hoàng hậu Gotamī, phải xuất gia đúng ngày cử hành hôn lễ, dầu rất sầu khổ, nhớ thợơng công nợơng Janapāda Kaḷyāni vô cùng, nhợng chàng chỉ nín nhịn chịu đựng, không dám thốt một lời! Từ đây, Nanda tập sống đời tỳ-khợu dợới sự hợớng dẫn của tôn giả Sāriputta, không đợợc phép trở lại hoàng cung, không đợợc phép thăm viếng, gặp gỡ công nợơng Janapāda Kaḷyāni nữa! Việc làm có vẻ "ngang ngợợc" của đức Phật làm xôn xao dợ luận trong hoàng cung, lan ra cả ngoài kinh thành! Lệnh bà Gotamī rất khó chịu. Đức vua Suddhodana, nhờ đã đắc quả Tợ-đà-hàm, đã nhẹ nhàng hai sợi dây bất bình và tham ái nên nghĩ rằng, đức Phật có lý do của ngài! Đúng lúc ấy thì tôn giả Kaḷudāyi đến thăm rồi nói chuyện rất lâu với đức vua và hoàng hậu. Tôn giả đã đem ra rất nhiều ví dụ, ẩn dụ để so sánh đời sống buộc ràng, phiền não, đau khổ của ngợời tại gia và đời sống thanh cao, an lạc, giải thoát của Minh Đức Triều Tâm Ảnh 109

ngợời xuất gia! Lấy bản thân mình làm ví dụ, tôn giả nói, với một sa-môn vô sản bần hàn nhợ bây giờ, nếu đợợc đánh đổi một triệu lần đời sống vợơng giả trợớc kia, ông cũng không thèm! Tôn giả còn mở phơi các cảnh giới sống chết, nhấp nhô chìm nổi, lang thang bất định trong các kiếp sống, chịu đựng muôn vàn thống khổ nhợ thế nào! Đại vợơng là ngợời đã bợớc hai bợớc vào đạo lộ bất tử, hiện tại, chỉ còn một kiếp làm ngợời nữa thôi, là vĩnh viễn chấm dứt vòng trầm luân sinh tử luân hồi ấy, lẽ ra, bệ hạ nên vui mừng cho hoàng tử Nanda mới phải chứ! Sau buổi nói chuyện ấy, đức vua cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản; riêng hoàng hậu Gotamī thì vẫn còn buồn khổ, nhợng vì quá tin tợởng việc làm của đức Phật, bà chỉ còn tiếc cho ngai vàng chợa có ngợời thừa kế mà thôi! Cuối cùng, chỉ còn gia đình quan đại thần, cha mẹ của công nợơng Janapāda Kaḷyāni, họ rất bực tức và xem đây nhợ là một mối sỉ nhục, là sự đùa bỡn tiết hạnh con gái nhà hiền lợơng! Thế rồi, tôn giả Kaḷudāyi lại tìm đến để làm sứ giả hòa bình. Nhờ tinh minh, lịch thiệp, nhờ khôn khéo ngôn ngữ, tôn giả đã làm cho gia đình nhà gái nguôi ngoai. Nhợng riêng công nợơng Janapāda Kaḷyāni thì tơ tình vợớng víu

đã ken dày nhiều lớp, không ai có thể gỡ rối đoợc! Đức vua Suddhodana năm nay đã trên chín moợi tuổi nhoợng ông vẫn còn quắc thoớc và rắn rỏi. Từ hôm nếm thoởng đoợc hoợng vị của giáo pháp, đức vua giao việc trị noớc cho hoàng thân Mahānāma cùng các lão thần trông coi; còn riêng ngài để dành thì giờ để tu tập. Hễ rảnh việc là nhà vua lại muốn nghe pháp nên ông mời thỉnh đức Phật và vài moợi vị đến hoàng cung đặt bát cúng doờng! Thời pháp buổi chiều, nhiều thành phần các giai cấp đến nghe, đức vua cũng ngồi kiết-già thế hoa sen, nhiếp tâm thanh tịnh, không bỏ sót một lời, một chữ! Sau đó, nhà vua rút về cung sâu để thiền định, kinh hành; và ông đã tìm ra 110 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

nguồn an lạc, hạnh phúc choa hề có ở trong đời! Đến ngày thứ bảy, đức Phật mới có thì giờ để đi thăm Rāhula, đứa con trai mà ngài chỉ mới thoáng thấy khi còn là một hài nhi đỏ hỏn! Hôm ấy, đức vua, hoàng hậu muốn cúng doờng đặt bát cho đức Phật tại đông cung, có tính cách gia đình nên chỉ mời một số vị lão thần, các quan đại thần thân tín của hoàng tộc Sākya mà thôi. Công noơng Yasodharā đã cố ý cho Rāhula ăn mặc thật đẹp, với màu sắc thật dịu dàng; và trông toơm tất, chỉnh tề từ đầu đến chân! Khi đức Phật, tôn giả Sāriputta và tỳ-khou thị giả Nāgita boớc vào hoa viên thì từ lầu cao, công noơng đã nhìn thấy! Lần đầu tiên, Yasodharā mới có dịp nhìn ngắm đức Phật một cách kỹ loỡng nhoị thế sau nhiều năm xa cách. Ôi! toớng mạo sa-môn trong chiếc y màu san hô của ngài nổi bật giữa hàng cây xanh trông đẹp làm sao! Từng boớc đi của ngài vừa oai nghiêm, trầm hùng vừa an lạc, thảnh thơi mà không ai trên đời này có thể bắt choớc đoợc! Doờng nhoị mỗi boớc đi đã là một sự dừng nghỉ! Doờng nhoị mỗi boớc đi đã là một sự tựu thành! Vị này không còn là Siddhattha thuở nào nữa rồi! Thấy công noơng Yasodharā mê mải ngắm nhìn ngoời lạ mặt bên doới đang boớc lại gần, Rāhula níu và giật giật tấm Sārī màu vàng chanh của bà: - Mẹ! Mẹ! Ai vậy mẹ? Nhoị sực tỉnh, công noơng ngồi thấp xuống với con, mỉm coời: - Con có thấy vị sa-môn đi đầu, trông nhoị một vị phạm thiên oai vệ đó không? - Thấy, có thấy! Vị ấy là ai mà đẹp thế mẹ? - Là cha của con đấy! - Cha của con? - Ừ! Rồi Yasodharā khẽ nói – Ngài chính là cha của con, và ngài đang có một kho tàng vĩ đại, vô cùng quý giá! Từ Minh Đức Triều Tâm Ảnh 111

ngày ngài ra đi, đã gần tám năm qua, con choa hề đoợc gặp mặt. Con hãy chạy xuống bên ngài, nắm tay ngài, lắc lắc chéo y của ngài rồi nói rằng: “Thoa cha, con là con của cha, con hiện là một voơng tôn, mai sau con sẽ lên ngôi, cai trị một voơng quốc toơi đẹp và thanh bình! Hiện giờ con đang cần một gia sản. Mẹ nói rằng, cha đang sở hữu một kho tàng vô giá, vậy cha hãy trao nó cho con, vì tài sản của cha chính là tài sản của con!” Nhớ nói thế nhé, Rāhula! Ngoan ngoãn, Rāhula gật đầu, coời tít mắt rồi chạy vụt xuống thang lầu. Đến gần bên, cậu bé ngây thơ nắm tay đức Phật, giật giật chéo y của ngài và nói gần đúng với nguyên văn nhoị mẹ đã dặn. Đức Phật mỉm coời, nhìn đứa trẻ với khuôn mặt tròn trĩnh, toơi sáng, đáp lời, “Ừ, rồi Nhoị Lai sẽ trao gia tài ấy cho con!”; nhoợng trong tâm ngài đã khởi lên ý nghĩ:“Nó đã đoợc nuông chiều từ nhỏ nhoợng không biểu hiện một cá tính gì rõ rệt, choa có một đức hạnh gì nổi bật; đoợc cái là sau này nó không cứng đầu cứng cổ lắm đâu!” Rồi ngài ọu ái nắm tay Rāhula cùng boớc lên lầu hoa thuở troớc, nơi mọi ngoời đang chờ đợi! Độ ngọ xong, đức Phật

nói về những điều kiện cần và đủ để duy trì hạnh phúc gia đình. Đại lợợc, thứ nhất là vợ chồng phải thật sự thợơng yêu nhau, chấp nhận cá tính của nhau, dù tốt hay xấu, dù thuận hay nghịch. Thứ hai là phải biết tôn trọng lẫn nhau, đừng áp đặt, chủ quan, độc đoán. Thứ ba là phải biết để ý để tìm cách chia sẻ vật chất đến cha mẹ cả hai gia đình, nếu họ thiếu thốn. Thứ tợ, ngợời chồng phải trao tiền cho vợ, giao cho vợ quán xuyến mọi việc nội trợ, ăn ở, sinh hoạt cũng nhợ tự quyết định việc chi tiêu hằng ngày; ngợời chồng phải biết chăm lo nghề nghiệp, thu xếp các công việc ở bên ngoài. Thứ năm là ngợời chồng đừng quên quà biếu, vật trang sức cho vợ, vào những lúc đi xa về hay là những ngày kỷ niệm hỷ sự; ngợợc lại, ngợời vợ phải 112 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

biết kỉnh trọng, tôn trọng những ai chồng mình kỉnh trọng, tôn trọng ví dụ nhợ bạn bè, thân hữu của chồng mình! Tuy nhiên, cái đợợc gọi là tốt nhất, cao nhất, căn bản nhất để năm điều kia đợợc thành tựu viên mãn chính là chuyển hóa cách nhìn, chính là trí tuệ: Chồng nhìn vợ mình, vợ nhìn chồng mình luôn với cặp mắt xanh, luôn luôn mới mẻ, luôn luôn không định kiến, không thành kiến, không trợớc ý; luôn luôn hiện tiền trong sáng, không bị chồng chất, ám ảnh bởi hình ảnh của quá khứ, của tợơng lai hoặc của hiện tại chỉ vừa mới thoáng qua! Mọi ngợời thấm thía với thời pháp, nên họ trầm ngâm, suy gẫm và thật không dễ gì nắm bắt ngay đợợc nhất là cái căn bản! Sau rốt, có ngợời hỏi về chính sách trị dân, nó liên hệ thế nào, tợơng quan thế nào giữa giáo pháp xuất thế của đức Phật với an lạc hạnh phúc dung thợờng của mọi ngợời trong trần thế! Và, nếu mọi ngợời đàn ông đều xuất gia cả thì quốc độ sẽ ra sao, nhân loại sẽ ra sao? Điều ấy có thể nào lý giải rõ ràng qua phạm trù đạo đức tại thế đợợc chăng? Đức Phật mỉm cợời, hẹn dịp khác, ngài sẽ khai thị về điều ấy; đến lúc hiểu rồi, thấy rồi thì xuất thế mà không ra khỏi cuộc đời, tại thế nhợng vẫn xuất thế vì nó không dính mắc phiền não và bụi bặm của trần gian; nói một thì không phải, nói hai cũng chẳng nhằm! Mọi ngợời có vẻ nghĩ ngợi! Đức Phật đứng lên, từ giã. Cậu bé Rāhula có vẻ lợu luyến đức Phật, nên khi ngài rời hoàng cung, nó tất tả chạy theo, nắm tay ngài ra chiều thân thiết. Lúc ấy là sau ngọ, trời nắng hơi gắt; Rāhula vừa bợớc đi vừa núp trong cái bóng của ngài, vừa phát biểu rất dễ thợơng, rất ấn tợợng: “Ôi! Chỉ cái bóng của sa-môn thôi, mà sao làm cho con bình yên và mát mẻ đến thế!” (Sukhā vata te chayā, samaṇa!) Thấy Rāhula đi theo đức Phật, không ai ngăn cản. Đi Minh Đức Triều Tâm Ảnh 113

một đỗi, tôn giả Sāriputta nắm tay Rāhula rồi một ý nghĩ chợt khởi sanh: - Bạch đức Thế Tôn! Chợ Phật quá khứ lúc về thăm quê nhà; các ngài cứu độ quyến thuộc khó khăn hay dễ dàng? - Cái ấy tùy thuộc nhân duyên, này Sāriputta! Hạt giống giáo pháp chỉ bén rễ sâu ở mảnh đất màu mỡ cùng với các điều kiện môi sinh thuận lợi! Tôn giả Sāriputta hiểu, ngài chạnh nghĩ đến gia đình của mình với tín ngợỡng truyền thống đã ăn sâu vào huyết mạch rất khó lay chuyển... Trở về đến công viên, đức Phật dẫn Rāhula vào hợơng phòng, lúc ấy đã làm xong, ngài nói: - Này Rāhula! Mẹ dặn con là xin cho đợợc một gia tài quý báu, bây giờ con hãy nghe đây! Gia tài, gia sản vật chất nhiều khổ ít vui; nó lại còn là nơi nuôi dợỡng lòng tham, phát sanh tranh chấp, đau khổ, phiền não cùng nhiều ràng buộc, hệ lụy khác nữa! Hiện tại, Nhợ Lai có một gia tài, gia sản tinh thần rất lớn, rất quý báu; nó chỉ đem đến nụ cợời, niềm vui, thanh bình và siêu

thoát, Nhơ Lai muốn trao cho con, con có nhận không? - Có ạ! Rāhula vòng tay lễ phép – Con chỉ muốn nhận gia tài niềm vui mà thôi! Đức Phật mỉm cợời: - Muốn có đợợc gia tài ấy, con phải cạo đầu, mặc y, mang bát nhơ Nhơ Lai, nhơ ông Sāriputta, nhơ chú Nanda và nhơ mọi ngợời ở đây! Con có đồng ý không? - Con đồng ý ạ! Thế rồi, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia ngay tức khắc cho Rāhula! Nhơ vậy, tôn giả Sāriputta nhận nhiệm vụ giáo thọ vị sa-di tí hon, bắt đầu dạy cách mặc y, mang bát, đi đứng, lúc ngủ nghỉ, cách nói năng, thợa hỏi thế nào cho đúng phép tắc, luật nghi! Và thật khó tợởng tợợng một vợơng tôn cành vàng lá ngọc, quen nếp sống đợợc 114 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

nuông chiều trong cung điện lại có thể thích nghi đợợc đời sống của một khất sĩ khổ hạnh! Tuy nhiên, thật đáng ngạc nhiên làm sao, là sa-di Rāhula chẳng nhớ mẹ, nhớ ai ở cung đình cả; lại rất sung sợớng trong đời sống mới, ngoan ngoãn, lễ độ, biết nghe lời dạy bảo của thầy mình! Ngày hôm sau, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, công nợơng Yasodharā mới hay tin, ai cũng bàng hoàng. Quả thật nhơ một tiếng sét đánh ở cung đình. Hoàng tử Nanda vừa xuất gia đúng vào giờ cử hành hôn lễ cách đây bốn ngày, bây giờ lại Rāhula nữa, nó còn quá ngây thơ, bé bỏng mà! Ngợời đau khổ, sầu não nhất là công nợơng Yasodharā, thứ đến là lệnh bà Gotamī; nhợng khi cả hai muốn đến chất vấn đức Phật thì đức vua Suddhodana ngăn lại, ông nói: - Đừng có vội vàng, nóng nảy! Một đức Chánh Đẳng Giác làm việc gì cũng có nhân duyên và quả của nó; đừng nhìn hiện tợợng bên ngoài, tâm lý thợờng tình hoặc tình cảm cá nhân để xét định một sự việc. Trẫm tin tợởng tuyệt đối vào giáo pháp, vào trí tuệ của con trẫm, bây giờ là vị Phật đó! Chẳng bao giờ một bậc Toàn Giác lại thấy biết sai lầm, các khanh nên hiểu nhơ vậy! Đúng là tâm và trí của một vị Thánh đệ tử! Sau khi trấn an hai bà và mọi ngợời khác, đức vua lên xe ngựa một mình cùng với vài quân hầu đến công viên Nigrodhārāma. Gặp đức Phật, nhà vua mở lời trách cứ khá nhẹ nhàng: - Khi thái tử lìa bỏ cung vàng, điện ngọc ra đi, trẫm vô cùng đau xót, ái hậu Gotamī cũng thế. Còn Yasodharā lại càng sầu muộn, buồn tủi, thống khổ hơn! Lại trải qua tám năm dài đằng đẵng “làm sợơng phụ sa-môn” vò võ, cô đơn, gối chiếc cũng không dễ dàng gì; ngoại trừ Yasodharā, không có ai bản lãnh, nghị lực đến thế! Bây giờ đến lợợt Nanda! Trẫm hỏi đức Thế Tôn! Ngợời cha ngợời mẹ bình thợờng nào mà không xót xa, đứt ruột? Chuyện Nanda chợa Minh Đức Triều Tâm Ảnh 115

nguôi, cả hoàng cung lại mất thêm Rāhula, là trẻ đợợc cợng chiều, thợơng yêu; là nguồn an ủi duy nhất của hai vị phu nhân. Tình thợơng của ngợời mẹ mất con, ông bà mất cháu cũng dợờng nhơ bị ai đó cắt da, xẻ thịt, cắt gân, róc luôn cả xợơng cả tủy... Ngừng lại giây lát, đức vua nói tiếp – May nhờ cả hai vị phu nhân đều là bậc trí, hai trái tim mềm yếu kia có năng lực giáo pháp tăng thêm sức mạnh, nếu không họ đã gục ngã rồi! Còn trẫm thì đã thấy rõ ái luyến sinh đau khổ, ái luyến sinh buộc ràng, ái luyến đợa vào dòng chảy trầm luân nên tình cảm kia chỉ nhơ một cơn gió nhẹ xao thổi qua rồi mất! Tuy nhiên, trẫm xin thỉnh nguyện đức Thế Tôn một điều: Từ rày về sau, sẽ không ban hành lễ xuất gia cho bất kỳ một ngợời con nào, nhất là tuổi vị thành niên mà chợa đợợc cha mẹ hoặc gia đình cho phép,ợng thuận! Lời lẽ trình bày với lý tình minh bạch của đức vua, ngợời đã bợớc đợợc đôi chân vững chắc trên đạo lộ bất tử,

làm cho đức Phật rất hoan hỷ. Ngay tức khắc hôm ấy, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Kassapa bố cáo khắp tỳ-khọu tăng, xem lời thỉnh cầu của đức vua đã trở thành điều luật đọợc ban hành rộng rãi! Công viên Nigrodhārāma sau khi xây dựng xong, tuy không đọợc quy mô và công phu nhọn Trúc Lâm nhọng cũng đã trở thành nơi sinh hoạt của giáo đoàn tại kinh đô Kapilavatthu. Từ đó, dọờng nhọ ngày nào cũng có ngọời đặt bát cúng dọờng, ngày nào cũng có đoàn này hay đoàn khác đến tham vấn, học hỏi, quy y! Hoàng tộc Sākya, các chủ ngân hàng, chủ các nghiệp đoàn... bao giờ cũng là những thí chủ bố thí, cúng dọờng rộng rãi nhất. Họ còn cúng dọờng vải vóc, bát, tọa cụ, ngọa cụ, các loại thảm lót chân, lót nền nhà, ghè đựng nọớc, khăn mặt, khăn tắm, chăn nằm, chăn đắp... Thế là đức Phật lại phải chế định một số học giới, cái gì đọợc thọ nhận, cái gì không nên thọ nhận. Ví dụ, các tỳ- khọu chỉ đọợc phép nằm sạp cây, đọợc phép sử dụng tọa cụ, 116 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

ngọa cụ bằng thảm cỏ, thảm cói không đọợc dùng nhung, lụa, gấm, chăn bông, gối dài! Mỗi vị tỳ-khọu chỉ có ba y, một bát, thừa y bát là phải xả cho vị khác, xả vào kho bảo quản cho vị đến sau! Y cũ rách không đọợc quăng bỏ, phải giặt sạch để làm màn che gió, ngăn tọời. Cũ rách quá nữa thì làm tấm lót chân, làm khăn lau nền nhà...Y tăng-già-lê (y ngoại), không đọợc quá dày do lót bông, lót dạ, chỉ nên dùng để đắp, làm sao để đừng ấm quá mà cũng đừng lạnh quá! Cắt may y và màu y phải tuân thủ quy định chung. Kiếm rễ cây, thân cây nhuộm màu, không đọợc nhạt quá nhọ màu cọng rơm mà cũng không đọợc sậm quá nhọ màu cánh gián... Bát sắt, bát gỗ sờn tróc là phải tìm cách xông khói nhuộm lại... Đức Phật cho phép chọ tỳ-khọu đọợc nhận lời mời của thí chủ thọ trai tại tọ gia. Riêng tôn giả Mahā Kassapa và các vị tỳ-khọu thọ đầu-đà bậc thọợng, bậc trung, bậc hạ thì đọợc tùy nghi tìm chỗ độc cọ, từ rày không bị ràng buộc bởi sinh hoạt của giáo đoàn, ngoại trừ khi có Saṅghā (Tăng-già) triệu tập! Mỗi mỗi lời giáo giới của đức Phật, tôn giả Sāriputta ghi nhớ không bỏ sót một điều nào! Các thời pháp, cũng vậy, bất kỳ ở đâu, với ai, giờ nào, tôn giả đều lắng nghe, tọ duy, chiêm nghiệm; lúc cần, ngài có thể giảng giải lại, rất rộng rãi, mạch lạc mà vẫn không rời cái căn bản, cái cốt tủy! Suốt một tuần lễ, các vị hoàng thân Mahānāma, Ānanda, Bhaddiya, Kimbila, Anuruddha, Bhagu, Channa và cả Devadatta từ Koliya sang đặt bát cúng dọờng đức Phật và Tăng chúng. Thế rồi, đức Phật thuyết pháp, dành cho họ suốt ba buổi chiều. Và hôm nào cũng thế, họ thay phiên nhau hỏi từ điểm sơ cơ nhất của giáo pháp, cho đến cả những khái niệm ở ngoài ngôn ngữ, tức là những pháp siêu thế! Họ cũng hỏi đến những lãnh vực siêu hình, các khả năng thắng trí mà một sa-môn có thể thành tựu đọợc. Đức Phật không phải lúc nào ngài cũng trả lời một cách mà bằng Minh Đức Triều Tâm Ảnh 117

nhiều cách! Do trí vô ngại giải, khi thì ngài trả lời tức khắc thẳng vào câu hỏi; khi ngài trả lời bằng cách hỏi ngọợc lại; khi thì ngài trả lời bằng cách giảng giải câu hỏi cho rộng, cho sâu thêm; thỉnh thoảng ngài im lặng hoặc sử dụng một vài năng lực huyền nhiệm. Khá nhiều lần, đức Phật lại giao trọng trách ấy cho tôn giả Sāriputta! Và đến lúc này, các ông hoàng mới thật sự kinh ngạc về trí biện tài thông tuệ, tầm kiến văn uyên bác cũng nhọ ngôn ngữ lọu loát của vị nghe nói là đại đệ tử! Bây giờ thì sự kiêu căng, ngã mạn không còn nữa vì họ chợt hiểu rằng, dù họ học, nghe cả đời cũng không thể so

sánh đợợc với vị tôn giả cánh tay phải của đức Phật! Tuy nhiên, cái dòng máu cứng đầu của Sākya đã tiềm mật, lợu liên, âm ỉ nhiều đời kiếp: Họ vẫn chợa chịu quy y! Hai tháng sau, trợớc khi từ giã Kapilavatthu để trở về cho kịp an cợ mùa mợa ở Trúc Lâm, đức Phật đã thuyết một thời pháp quan trọng đến cho đức vua và cả triều đình. Đây cũng là thời pháp nhằm giải thích các câu hỏi còn tồn đọng trong tâm trí mọi ngợời. Đức Phật mở giọng trầm hùng, vang vang nhợ tiếng chuông ngân: - Đầu tiên là nói về chính sách trị dân! Phải nói rằng không có một chính sách trị dân nào trên thế gian này đợợc gọi là toàn hảo, là tốt đẹp cả! Tại sao vậy? Vì khi hoạch định chính sách, các triều đại đã xác lập thế lợỡng phân đối đãi, bị quy định trong phạm trù: ngợời cai trị và kẻ bị trị! Khi có ngợời cai trị và kẻ bị trị thì sự xung đột, bất bình đẳng trong xã hội sẽ nẩy sinh! Đấy là sự thất bại thứ nhất với nghĩa nhị nguyên triết học! Tiếp nữa, ngợời cai trị, tức là thành phần lập định chính sách, họ ra sao? Họ có đạo đức chân thực? Có nghiêm minh, trung chính? Có một đời sống hiền thiện, mẫu mực? Hay họ chỉ là những con ngợời luôn bị chi phối bởi xan tham, sân hận, si mê, ích kỷ, đầy đặc khát dục, tham vọng danh lợi và 118 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

quyền lực? Có thể nào một chính sách tốt đẹp, toàn hảo lại có thể đợợc sinh ra từ một tập thể, mà, nhân cách chợa đợợc tốt đẹp, chợa đợợc toàn hảo mọi giá trị nhân văn và nhân bản? Đấy là sự thất bại thứ hai với nghĩa tợơng quan duyên khởi tục thể - mà khi nói sự thật ra – thì đụng chạm đến nhiều ngợời, đụng chạm đến thành phần cơ cấu của tập cấp lãnh đạo của mọi thể chế chính trị trên trái đất này! Vậy thì thợa chợ vị, con ngợời đẻ ra chính sách; con ngợời là nhân tố quyết định còn chính sách là cái tợơng sinh, tợơng thuộc, phụ tùy! Giáo pháp mà Nhợ Lai đã giác ngộ và tuyên thuyết là từ con ngợời, bởi con ngợời và cho con ngợời, tức là trở về với nhân tố quyết định cho sự toàn hảo, tốt đẹp của mọi chính sách! Một con ngợời đã giải thoát mọi ô nhiễm từ nội tâm đến ngoại cảnh, không còn bị đắm chìm, ràng buộc bởi những cám dỗ của cuộc đời thì luôn luôn đem đến an vui, hạnh phúc cho mình và cho ngợời khác! Những con ngợời nhợ vậy, trong hội chúng của Nhợ Lai, không phải chỉ một trăm, hai trăm mà cả một ngàn, hai ngàn... và sẽ còn nhiều hơn thế nữa trong tợơng lai! Những con ngợời nhợ vậy, họ hiện ở đây, ở bên chợ vị, ở trong cuộc đời này, đang mặc y, đang khất thực, đang ăn, đang uống và đang thở! Họ siêu thế, xuất thế mà vẫn tại thế giữa mặt đất này! Vậy, nếu lập ngôn là một, là hai - đều bất khả! Đấy là sự thực, cụ thể, có thể sờ nắm đợợc, chứ không phải lý luận trừu tợợng, mơ hồ của những luận thức đa biện, phân lập! Chợ vị là những bậc thức giả, trí giả nên Nhợ Lai cũng nói chuyện nhợ nói với những bậc thức giả, trí giả! Một chính sách đợợc gọi là toàn hảo, tốt đẹp với nghĩa tuyệt đối thì không thể có mặt giữa trần gian tợơng đối. Nói cách khác, các sứ giả của Nhợ Lai, những con ngợời đã giải thoát ấy, nếu họ lãnh đạo, lập định chính sách, cai trị muôn dân thì sự toàn hảo, tốt đẹp kia cũng trở thành tợơng đối, giới hạn mà thôi! Lực cản ở đây cũng lại chính là con ngợời với biệt Minh Đức Triều Tâm Ảnh 119

nghiệp, với cộng nghiệp cùng với những tâm địa xấu tốt lẫn lộn từ muôn thuở! Tuy nhiên, điều ấy lại trở nên không tợởng vì kẻ đã giác ngộ, giải thoát rồi thì ngay chính ngôi vị Chuyển luân Thánh Vợơng, họ cũng không làm! Đây là sự thất bại thứ ba theo nghĩa những giá trị tợơng đối tại thế! Thợa chợ vị, hiện tợợng sinh, trụ, diệt của vạn

hữu cũng nhơ nội tâm rút ra định luật vô thơờng và vô ngã của chơ pháp! Vậy nên, bản chất bất toàn, bất ổn định, bất nhơ ý, bất toại nguyện... là sự thật không thể thay đổi đơợc! Trong cái thế gian tơơng đối ấy, cái đơợc gọi là giá trị, là toàn hảo, là tốt đẹp luôn luôn đơợc hiểu là chỉ một giai đoạn, một thời kỳ, một gợn sóng vừa an trụ lại vừa diệt mất! Cái gọi là an vui và hạnh phúc của chúng sanh trên đời này cũng mong manh nhơ thế đấy! Ngơời lãnh đạo, ngơời lập định chính sách tối thiểu cũng phải có đơợc trí tuệ ấy, sau đó, tối thiểu cũng có đầy đủ mọi phẩm tính cần và đủ của nhân tính, nhân văn và nhân bản! Và chính con ngơời ấy, nhờ trí tuệ và đạo đức tơơng đối của mình, họ soi sáng cho chính sách; và rồi, chính sách sẽ soi sáng cho con ngơời, cho mọi ngơời khác! Nói gọn lại, ngơời lãnh đạo, lập định chính sách, tối thiểu cũng phải có tam quy, ngũ giới, khá hơn nữa, họ hành thập thiện, thọ trì bát quan trai giới thì quốc độ ấy sẽ thanh bình, hạnh phúc! Và khi mà nhơ vậy thì chẳng cần dùng những sáo ngữ nhơ thơơng dân, vì dân, vị tha, bác ái hoặc những tuyên ngôn với những mỹ từ cao khiết nhơng chỉ còn là những chiếc vỏ rỗng, hoa hòe, diêm dúa, lấp lánh chữ nghĩa để mị dân, để quảng cáo từ đầu đơờng đến xó chợ! Thời pháp lột trần tâm địa con ngơời của Đức Phật có thể tạo phản ứng nghịch, nhơng không, ai cũng chăm chú lắng nghe. Đức thân vơơng Amittodana, thân phụ của Ānanda phát biểu: - Hay lắm! Đây là con đơờng đức trị! Là chính sách với 120 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

mơời vơơng pháp của các đức Chuyển luân Thánh vơơng mà đức Thế Tôn đã minh thuyết thật cao siêu, quảng bác và vô cùng mới lạ! Tri ân đức Thế Tôn, chúng tôi đã đơợc mở rộng kiến văn! - Chẳng phải chỉ là mở rộng kiến văn mà thôi đâu! Thân vơơng Sukkodana, thân phụ của Mahānāma tiếp lời - Kiến văn là cái vỏ ngoài! Tâm và trí tôi giờ đã đơợc bừng sáng ra! Chính trị, chính sách là cái cớ, chính đức Phật đã nói cho chúng ta thấy rõ mối tơơng quan ấy! Chính con ngơời có tu tập, tùy từng cấp độ thành tựu của họ mới quyết định đơợc an vui và hạnh phúc trên đời này! Một vị quan đại thần ngồi ở phía xa, phát biểu: - Bạch đức Thế Tôn! Chẳng có lời nói nào của ngài mà chúng tôi không thấm thía lúc suy gẫm! Tại thế và xuất thế, chúng tôi hiểu rồi! Con ngơời tơơng quan duyên hệ với chính sách: Con ngơời tốt lành đẻ ra chính sách tốt lành, chính sách tốt lành làm cho con ngơời tốt lành, cả hai vốn tơơng quan, tơơng hỗ, tơơng thuộc. Cái này đẹp, cái kia mới đẹp! Đấy là sự thật bất ly, bất dịch hoán! Chúng tôi hiểu rồi! - Tuy nhiên, còn một câu hỏi ở trong tâm quý vị nữa - Đức Phật nói - Đấy là tất cả thanh niên xuất gia đều sống đời độc thân thì vấn đề duy trì huyết thống, vấn đề tồn tại của quốc độ, của nhân loại sẽ đơợc giải thích nhơ thế nào? Thật ra, chơ vị không cần phải lo xa nhơ thế, vì không bao giờ có cái số lơợng “tất cả” ấy đâu, không phải ai cũng xuất gia đơợc đâu nếu không có duyên căn từ nhiều đời! Các sa-môn trong giáo hội của Nhơ Lai bao giờ cũng là thiểu số; và chính nhờ cái thiểu số ấy, có một đời sống trong lành và hiền thiện, tạo nhân tố tích cực để duy trì và phát triển các giá trị tinh thần cho thế gian này, mà thiếu nó, tức là khi cái xấu, cái ác lan tràn thì nhân loại sẽ diệt vong! - Chúng tôi hiểu! Vậy, giáo pháp của đức Thế Tôn còn liên hệ đến việc thịnh suy của một triều đại? Minh Đức Triều Tâm Ảnh 121

- Đúng vậy! Đức Phật nói - Nó còn là điều kiện quan trọng trong những điều kiện khác về lẽ thịnh suy ấy! Một quốc độ muốn đơợc hùng cơờng, giàu mạnh, muôn dân sống

an lành, hạnh phúc thì phải hội tụ đầy đủ bảy điều kiện sau đây. Thứ nhất, là ngọời dân thích tụ họp đông đảo, vui vẻ với nhau, tức là biết tọơng thân, tọơng ái; đến với nhau, nhìn nhau bằng con mắt thiện cảm! Thứ hai là lúc nào cũng sống với nhau trong tinh thần đoàn kết: Đoàn kết lúc hội họp, đoàn kết trong công việc, đoàn kết trong mọi bổn phận và nghĩa vụ, đoàn kết để vọơn đến các lý tọởng cao đẹp! Thứ ba là tại vọơng triều, các nhà lãnh đạo không nên ban hành những đạo luật mới, có tính cách chỉnh sửa, thay đổi hoặc chống nghịch các giá trị đạo đức truyền thống. Thứ tọ là phải biết kính trọng, tôn trọng các bậc tọởng thọợng, các vị bô lão; và phải nghe những lời dạy bảo kinh nghiệm, khôn ngoan của các vị ấy! Thứ năm là phải biết tôn trọng nữ giới; nghĩa là đàn bà, con gái trong quốc độ không bị sống trong nô lệ, bị cọỡng bức hoặc bị ép buộc trong hôn nhân cũng nhọ trong gia đình! Thứ sáu là phải biết duy trì tông miếu, xã tắc; phải biết làm cho vẻ vang tông miếu, xã tắc; không đọợc xao lãng những nghi thức cổ truyền đã đọợc tiền nhân tôn trọng. Thứ bảy, phải biết tạo cơ duyên, bảo bọc, hộ độ, hỗ trợ nhiệt tình cho giáo pháp, cho các vị A-la-hán hoằng pháp, khiến cho những ai chọa đến sẽ muốn đến; và những ai đã đến, đã sống ở đấy đều đọợc an lành, an toàn. Nhọ vậy, trong bảy điều kiện, điều kiện thứ bảy là quan trọng nhất, vì nó bao hàm sáu điều tiên dẫn! Có điều kiện thứ bảy thì sáu điều kiện kia càng đọợc củng cố, tăng tọởng, thịnh mãn! Sau thời pháp ấy, hội chúng rất thỏa mãn. Khi đức Phật ra về, họ bàn với nhau, là mỗi gia đình dòng tộc Sākya nên lựa chọn lấy một ngọời xuất gia trong giáo pháp của ngài! Do vậy, suốt một tuần lễ sau đó, con cái hoàng gia, quý tộc đến xin xuất gia tỳ-khọu khá nhiều.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.